NHỮNG YẾU TỐ XÃ HỘI TÁC ĐỘNG TỚI VIỆC THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

ThS. BÙI THỊ MỪNG *

Ngày nay, giới và bình đẳng giới đã trở thành vấn đề mang tính thời đại. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới bởi vì bình đẳng giới chính là tiêu chí để đánh giá tiến bộ xã hội. Đảm bảo bình đẳng giới là một trong những mục tiêu cơ bản của việc đảm bảo công bằng xã hội.

Ở Việt Nam, bình đẳng giới luôn thể hiện sự quan tâm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Nguyên tắc nam nữ bình đẳng đã trở thành nguyên tắc hiến định xuyên suốt các hiến pháp của Nhà nước ta, ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên, Hiến pháp năm 1946. Từ đó, ở nhiều cấp độ khác nhau, vấn đề bình đẳng giới đã được cụ thể hoá trong các văn bản pháp luật, làm cơ sở để chúng ta thực hiện và bảo đảm vấn đề bình đẳng giới trong thực tế. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về đảm bảo bình đẳng giới cũng chỉ ra những điểm bất cập, hạn chế tới việc đưa các quy định này vào cuộc sống bởi vì các quy định về bình đẳng giới còn nằm tản mạn trong nhiều văn bản pháp luật chưa mang tính hệ thống. Chính vì lẽ đó, cần phải có văn bản quy phạm pháp luật riêng điều chỉnh vấn đề này, tạo ra sự thống nhất đồng bộ để thực hiện tốt vấn đề bình đẳng giới.

Xuất phát từ những lí do trên, Luật bình đẳng giới đã được Quốc hội khoá XI kì họp thứ 10 thông qua ngày 29/11/2006. Luật này gồm có 74 điều, 6 chương, quy định về bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực. Đây là cơ sở pháp lí quan trọng để chúng ta thực hiện việc đảm bảo vấn đề bình đẳng giới. Luật bình đẳng giới được ban hành không chỉ thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta tới việc đảm bảo vấn đề bình đẳng giới mà còn tạo ra hành lang pháp lí góp phần đưa các quy định của pháp luật về bình đẳng giới vào cuộc sống. Tuy nhiên, để các quy phạm pháp luật về bình đẳng giới thành hiện thực trong đời sống xã hội là vấn đề không đơn giản. Thực tiễn đảm bảo vấn đề bình đẳng giới cho thấy bên cạnh những tác động tích cực để Luật này mang tính thực thi cũng còn không ít những "lực cản" tác động "tiêu cực" tới việc đảm bảo vấn đề bình đẳng giới mà pháp luật ghi nhận. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi bàn về những yếu tố xã hội tác động tới việc thực hiện Luật bình đẳng giới. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để phát huy những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực nhằm thực hiện tốt việc đưa Luật bình đẳng giới vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ nhất, bàn về những tác động tích cực tới việc thực hiện Luật bình đẳng giới. Như chúng tôi đã khẳng định ở trên, vấn đề bình đẳng giới luôn dành được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy, trong quá trình thực hiện Luật bình đẳng giới chúng ta luôn có ý kiến chỉ đạo của Đảng,

* Giảng viên Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

của các cấp đoàn thể, tạo nên tiếng nói thống nhất trong việc thực hiện bình đẳng giới. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc chỉ đạo thực hiện và đưa Luật vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ hai, có thể nói, ở Việt Nam vấn đề bình đẳng giới được quan tâm khá sớm. Ngay từ thời phong kiến, mặc dù xuất phát và ảnh hưởng của tư tưởng nho giáo trọng nam, khinh nữ nhưng pháp luật phong kiến cũng đã có những quy định hết sức tiến bộ, đảm bảo quyền của người phụ nữ. Điều này tác động không nhỏ tới tâm lí người Việt trong việc hình thành ý thức về bình đẳng nam nữ, tạo ra những thuận lợi cho việc bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ.

Thứ ba, mặc dù mới có Luật bình đẳng giới nhưng tư tưởng về đảm bảo bình đẳng giới đã sớm được hình thành. Từ bản hiến pháp đầu tiên - Hiến pháp năm 1946 với việc ghi nhận bình đẳng nam nữ, cho đến nay, chúng ta đã có hơn 60 năm thực hiện việc bảo đảm vấn đề bình đẳng giới và bảo đảm bình đẳng giới đã trở nên quen thuộc không còn là vấn đề mới mẻ. Đây cũng là một thuận lợi không nhỏ cho việc đưa Luật bình đẳng giới vào thực tiễn cuộc sống.

Bên cạnh những thuận lợi này, việc thực hiện Luật bình đẳng giới cũng gặp những khó khăn, *"Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ".*(1) Các biểu hiện "định kiến giới" đã tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì thế, định kiến giới đã trở thành vấn đề nổi cộm tạo ra những lực cản đưa Luật bình đẳng giới vào thực tiễn cuộc sống.

Ở Việt Nam, các định kiến giới được hình thành và phát triển xuất phát từ tư tưởng trọng nam khinh nữ. Từ đó, cái nhìn thiên lệch, bất bình đẳng về giới nam và giới nữ được định hình và ăn sâu vào ý thức của mỗi người dân. Đặc biệt, định kiến giới đã tạo ra cái nhìn bất bình đẳng giữa nam và nữ, ảnh hưởng trực tiếp đến việc đảm bảo trên thực tế quyền bình đẳng nam nữ mà pháp luật ghi nhận. *Ví dụ:* Dưới thời phong kiến, các công việc xã hội chủ yếu là do người nam giới đảm nhiệm, người phụ nữ chỉ là người quán xuyến công việc gia đình, bếp núc. Vì thế, quan niệm thiên lệch về giới nữ được hình thành và ảnh hưởng đến tận bây giờ. Cho nên định kiến giới trở thành yếu tố không nhỏ hạn chế việc nhận thức đầy đủ và khách quan về năng lực của phụ nữ. Biểu hiện định kiến giới thể hiện rộng khắp ở mọi cấp độ khác nhau tạo ra quan niệm nhìn nhận thiên lệch về năng lực của phụ nữ và nam giới. Chẳng hạn, rất nhiều định kiến giới chỉ ra rằng phụ nữ là người hẹp hòi, ích kỉ, làm việc kém hiệu quả so với nam giới hoặc phụ nữ đầu óc không nhanh nhạy bằng nam giới, không hăng hái trong công việc, thiếu khả năng quyết đoán. Vì lẽ đó, *"những định kiến về năng lực của phụ nữ có thể trở thành những trở ngại đối với phụ nữ trong việc tiếp cận các cơ hội đào tạo, hoặc khi tìm việc làm, hay tham gia quản lí và cơ hội phát triển chuyên môn".*(2) Bên cạnh đó, do có những khác biệt về giới tính, người phụ nữ còn phải thực hiện chức năng làm mẹ. Chính vì lẽ đó nam giới thường quan niệm rằng, thiên chức của phụ nữ là gia đình và con cái cho nên mọi việc trong gia đình phải là việc của người phụ nữ, đàn ông chỉ làm việc lớn chứ không chia sẻ công việc hàng ngày với phụ nữ. Trong khi đó, khi đánh giá công

sức thì người ta vẫn đánh giá trong cái nhìn thiên lệch. *Ví dụ:* Nếu người phụ nữ chỉ làm việc nhà, chăm sóc con cái còn người chồng lo kinh tế gia đình thì người chồng mới là quan trọng. Vấn đề này là sự thể hiện rất tế nhị từ biểu hiện định kiến về năng lực của người phụ nữ, vì người phụ nữ không giỏi kiếm tiền thì phải gánh lấy trách nhiệm chăm lo tất cả mọi việc trong gia đình song những việc làm này không tạo ra thu nhập cho nên việc mà người phụ nữ làm "không quan trọng". Tuy nhiên, trên thực tế có thể thấy rằng việc gánh vác các công việc gia đình, chăm lo con cái của người phụ nữ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với gia đình, thành công của người đàn ông ở trường hợp này đã hàm chứa công sức của người vợ. Bởi vậy, cần phải có một cái nhìn mới xoá bỏ "định kiến giới" trong phân công công việc gia đình, phụ nữ và nam giới cùng chia sẻ các công việc gia đình cũng như phải đánh giá một cách công bằng mọi công việc mà nam hay nữ thực hiện vì gia đình, cho gia đình.

Ở phạm vi rộng hơn, người phụ nữ cũng bị chính những định kiến về năng lực hạn chế đến việc sắp xếp và phân công công việc. Chẳng hạn định kiến cho rằng đối với công việc phụ nữ không thể quyết đoán bằng nam giới cho nên "phụ nữ chỉ nên tham gia lãnh đạo ở cấp nhất định nào đó". Trên thực tế, không phải như vậy, người phụ nữ vẫn có thể làm được nhiều việc đòi hỏi tính quyết đoán cao, có khả năng phân tích sâu sắc và nhạy bén các tình huống cần giải quyết. Vì thế, muốn xoá bỏ định kiến về sự phân công công việc, trước hết phải có một cái nhìn mới hơn về năng lực của phụ nữ.

Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng Luật bình đẳng giới chỉ đi vào cuộc sống khi chúng ta xoá bỏ được các định kiến giới tạo ra cái nhìn mới về giới và bình đẳng giới.

Như chúng ta đã biết, định kiến giới được hình thành từ lâu và nó đã ăn sâu trong quan niệm của mọi người. Vì lẽ đó, xoá bỏ định kiến giới phải là việc làm thường xuyên, bền bỉ, rộng khắp. Để làm tốt việc xoá bỏ định kiến giới, phải tập trung vào một số hướng sau:

Một là, coi trọng giáo dục bình đẳng giới trong gia đình. Gia đình là trường học đầu tiên của đứa trẻ. Mọi cử chỉ, hành vi của người lớn đều được các em tiếp nhận một cách tự nhiên. Chính vì vậy, mọi ứng xử thể hiện sự bất bình đẳng giới từ người lớn cũng sẽ được hình thành ở trẻ và tác động sâu sắc đến cuộc sống sau này của chúng. Vì thế, muốn xoá bỏ định kiến giới trước hết phải coi trọng giáo dục bình đẳng giới trong gia đình. Giáo dục bình đẳng giới trong gia đình phải đảm bảo được vị thế bình đẳng giữa vợ và chồng và không phân biệt đối xử con trai và con gái. Giáo dục bình đẳng giới trong gia đình phải đảm bảo sự chia sẻ các công việc gia đình giữa vợ, chồng và sự nhìn nhận, đánh giá khách quan, tạo cơ hội phát triển một cách bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa con trai và con gái. Làm được điều này chính là đã tạo ra những nét vẽ đẹp trong nhân cách của con trẻ về giới và bình đẳng giới, tạo tiền đề tốt cho việc xóa bỏ định kiến giới.

Hai là, đề cao vai trò giáo dục bình đẳng giới trong nhà trường, đúng như TS. Trần Thị Vân Anh đã viết: *"Giáo dục bình đẳng nam nữ từ trong nhà trường là công việc có tác động sâu sắc và lâu dài tới suy nghĩ và nhận thức của thế hệ trẻ".*[3] Chính vì vậy,

cần phải nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục bình đẳng giới trong nhà trường. Theo chúng tôi, giáo dục giới và bình đẳng giới trong nhà trường phải là việc làm thường xuyên, liên tục ở nhiều cấp độ khác nhau. Cho đến nay, dường như việc giáo dục bình đẳng giới mới chỉ được thực hiện ở các cấp phổ thông, ở bậc đại học, giáo dục bình đẳng giới chưa phải là môn học bắt buộc của hầu hết các trường đại học trừ một số trường có chuyên ngành liên quan đến giới. Chính vì vậy, cần phải đưa giới vào các trường học và lồng ghép giới một cách có hiệu quả trong nội dung bài học. Có như vậy, việc xoá bỏ định kiến giới mới trở nên hiệu quả.

Ba là, giáo dục bình đẳng giới phải đặc biệt chú trọng tới yếu tố con người. Chúng ta biết rằng định kiến giới là rào cản để đảm bảo trên thực tế vấn đề bình đẳng nam nữ. Vì vậy, cần phải xoá bỏ "định kiến giới" nhưng chúng ta phải xác định rằng "định kiến giới" luôn gắn chặt với con người hay nói khác đi chúng ta nói về định kiến giới là chúng ta muốn nói đến con người mang nặng định kiến giới. Định kiến giới hình thành ở mọi lứa tuổi và ở cả nam và nữ. Cho nên, muốn xoá bỏ định kiến giới cũng cần phải quan tâm đến đối tượng mang định kiến giới để có những phương pháp giáo dục phù hợp, cũng như tạo ra những điểm nhấn để việc giáo dục vấn đề bình đẳng giới có hiệu quả cao. Vì thế, để việc giáo dục bình đẳng giới, xoá bỏ định kiến giới một cách hiệu quả cần phải đặc biệt quan tâm đến đối tượng là nam giới ở mọi lứa tuổi và những nhà quản lí. Nhận thức về bình đẳng giới của họ giới sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo bình đẳng giới trên thực tế.

Bốn là, tăng cường việc huy động nhiều nguồn lực cho việc giáo dục bình đẳng giới.

Muốn giáo dục bình đẳng giới không chỉ cần đến kinh phí cho hoạt động này mà còn cần đến các "kênh" để qua đó gửi đi các thông điệp về bình đẳng giới. Chính vì vậy, bên cạnh vấn đề kinh phí thì các phương tiện truyền thông đại chúng là một "nguồn lực" quan trọng để thực hiện việc giáo dục bình đẳng giới. Chính vì lẽ đó, ngoài những chương trình, chuyên mục dành riêng cho giáo dục bình đẳng giới, các phương tiện truyền thông còn phải thận trọng khi truyền tải các thông tin mang định kiến giới. Chính vì vậy, các cơ quan báo đài phải xác định rằng họ có nhiệm vụ tuyên truyền về bình đẳng nam nữ nên hết sức thận trọng và nội dung các chương trình, chuyên mục phải được thẩm định về nội dung bình đẳng giới trước khi đưa đến với công chúng.

Năm là, thực hiện tốt việc tuyên truyền sâu rộng Luật bình đẳng giới.

Luật bình đẳng giới đã được ban hành, cùng với việc kiên trì, bền bỉ thực hiện xoá bỏ "định kiến giới" thì phải thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến Luật về bình đẳng giới để mọi người đều hiểu được bình đẳng nam nữ không còn là chuyện trong nhà mà đã là vấn đề xã hội nghiêm túc. Vi phạm các quyết định về bảo đảm bình đẳng nam nữ chính là vi phạm pháp luật. Đây chính là những tiền đề quan trọng để biến các quy định của Luật bình đẳng giới thành thực tiễn cuộc sống./.

---

(1), (3). Xem: TS. Trần Thị Vân Anh, *"Định kiến giới và các hình thức khắc phục"*, Tạp chí khoa học về phụ nữ, số 5/2000.

(2).Xem: Luật bình đẳng giới.